

Lịch Sử Ẩn Kín của Câu Bốn Mươi - Số Hai Mươi Chín

Ê-xê-chi-ên Số Mười

Jeff Pippenger

2026-08-31

Trong sách Ê-xê-chi-ên có nhiều đường nét tiên tri và lẽ thật kỳ diệu, quan trọng. Trong các minh họa Kinh Thánh về các tiên tri ở trong đền thờ, Ê-xê-chi-ên là người, vượt hơn tất cả những người khác, chỉ ra những bánh xe ở trong các bánh xe. Theo Bà White, những bánh xe ấy tượng trưng cho sự tương tác phức tạp của hoạt động loài người, minh họa trình tự các biến cố trong thời kỳ mưa cuối mùa. Những biến cố ấy được tiên tri trình bày khi chính ông trở thành một phần của lời tiên tri trong một ẩn dụ hành động, như khi Ê-xê-chi-ên nằm nghiêng bên trái rồi bên phải trong minh họa ở chương bốn về cuộc vây hãm Giê-ru-sa-lem. Cũng có mười ba niên điểm cụ thể phác họa lịch sử của Ê-xê-chi-ên, và khi làm như vậy, cung cấp các cột mốc của thời kỳ mưa cuối mùa, khi một trăm bốn mươi bốn nghìn người được đóng ấn. Có những lẽ thật được truyền đạt không chỉ qua các niên điểm, mà còn qua các con số như mười bảy, mười chín, hai mươi lăm, bảy mươi, bốn mươi, ba trăm chín mươi, và dĩ nhiên, ba mươi. Một con số khác có lẽ là con số quan trọng nhất trong sách Ê-xê-chi-ên là con số một trăm năm mươi. Tuy nhiên, con số một trăm năm mươi không được tìm thấy trong sách Ê-xê-chi-ên. Dẫu vậy, hết hàng này đến hàng kia—nó ở đó.

Con số một trăm năm mươi được gắn kết cách tiên tri trong tuyến của cuộc vây hãm, và cuộc vây hãm là một tuyến tiên tri riêng biệt; hoặc nếu muốn nói như vậy, cuộc vây hãm là một bánh xe. Một tuyến lịch sử tiên tri luôn luôn phải có alpha và omega, và như thế các đặc tính của alpha và omega phải được thể hiện ở phần đầu và phần cuối của tuyến ấy; nếu không, đó không phải là một tuyến. Biến cố alpha của cuộc vây hãm là cái chết của vợ Ê-xê-chi-ên, và điểm kết thúc của cuộc vây hãm là cái chết của cô dâu Đấng Christ, như được tượng trưng bởi sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem.

Và tôi là Giảng đã thấy thành thánh, Giê-ru-sa-lem mới, từ Đức Chúa Trời ở trên trời mà xuống, được chuẩn bị như một cô dâu điểm trang cho chồng mình. Và tôi nghe một tiếng lớn từ trời phán rằng: Kia, đền tạm của Đức Chúa Trời ở với loài người, Ngài sẽ ngự với họ, họ sẽ là dân Ngài, chính Đức Chúa Trời sẽ ở với họ, và làm Đức Chúa Trời của họ. Đức Chúa Trời sẽ lau ráo hết nước mắt khỏi mắt họ; sẽ không còn sự chết, cũng không còn tang chế, than khóc hay đau đớn nữa; vì những sự trước kia đã qua rồi. Đấng ngự trên ngai phán rằng: Kia, Ta làm mới mọi sự. Và Ngài phán với tôi: Hãy chép, vì những lời này là chân thật và thành tín. Ngài lại phán với tôi: Xong rồi. Ta là Alpha và Omega, là khởi đầu và là cuối cùng. Ta sẽ ban nhưng không cho kẻ khát nước uống từ nguồn nước sự sống. Kẻ nào thắng sẽ thừa hưởng mọi sự; Ta sẽ là Đức Chúa Trời của người ấy, và người ấy sẽ là con trai Ta. Nhưng những kẻ hèn nhát, vô tín, đáng gớm ghiếc, những kẻ giết người, gian dâm, phù phép, thờ thần tượng, và mọi kẻ nói dối, phần của chúng sẽ ở trong hồ cháy bằng lửa và diêm sinh: ấy là sự chết thứ hai. Bấy giờ, một trong bảy thiên sứ cầm bảy bát đầy bảy tai họa cuối cùng đến với tôi và nói chuyện với tôi

rằng: Hãy đến đây, ta sẽ chỉ cho người thấy cô dâu, là vợ của Chiên Con. Khải Huyền 21:2-9.

Vợ của Ê-xê-chi-ên qua đời vào lúc khởi đầu cuộc vây hãm, và tại đó nàng được gọi là “điều ưa thích của” “mắt” Ê-xê-chi-ên; còn trong sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem được trình bày trong cùng chương ấy, Giê-ru-sa-lem được xác định là “điều ưa thích” của “mắt” Y-sơ-ra-ên.

Lại vào năm thứ chín, tháng thứ mười, ngày mười trong tháng, lời của Đức Giê-hô-va phán cùng tôi rằng, ... Lại có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng tôi rằng: Hỡi con người, này, Ta cất khỏi người điều mắt người ưa thích chỉ trong một đòn; nhưng người chớ than khóc hay khóc lóc, cũng chớ để nước mắt tuôn rơi. Hãy nén tiếng than, chớ làm tang cho kẻ chết; hãy vấn khăn trên đầu người, mang giày vào chân, chớ che môi, và đừng ăn bánh của người ta. Vậy, buổi sáng tôi nói cùng dân chúng; đến chiều, vợ tôi qua đời; và sáng hôm sau tôi làm theo như điều mình đã được truyền. Bấy giờ dân chúng hỏi tôi rằng: Ông há chẳng nói cho chúng tôi biết những điều này có ý nghĩa gì đối với chúng tôi, mà ông lại làm như vậy sao?

Bấy giờ tôi trả lời họ rằng: Lời Đức Giê-hô-va phán cùng tôi rằng: Hãy nói với nhà Y-sơ-ra-ên rằng: Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Này, Ta sẽ làm ô uế nơi thánh của Ta, là sự vinh hiển của sức mạnh các người, điều mắt các người ham mến, và điều linh hồn các người thương tiếc; còn con trai và con gái các người, là những kẻ các người đã để lại, sẽ ngã xuống bởi gươm. Các người sẽ làm như ta đã làm: các người sẽ không che môi mình, cũng không ăn bánh của người ta. Khăn quấn đầu các người sẽ ở trên đầu các người, và giày các người sẽ ở nơi chân các người; các người sẽ không than khóc hay khóc lóc, nhưng sẽ hao mòn vì tội ác mình, và than thở với nhau.

Vậy Ê-xê-chi-ên sẽ là một dấu hiệu cho các người: các người sẽ làm theo mọi điều người ấy đã làm; và khi điều này xảy đến, các người sẽ biết rằng Ta là Chúa Giê-hô-va. Hỡi con người, chẳng phải trong ngày Ta cất khỏi chúng sức mạnh của chúng, niềm vui của vinh quang chúng, điều mắt chúng ham muốn, và điều lòng chúng hướng về, tức là con trai và con gái chúng, thì kẻ thoát nạn trong ngày ấy sẽ đến cùng người để khiến tai người nghe điều đó sao? Trong ngày ấy, miệng người sẽ được mở ra với kẻ thoát nạn ấy, người sẽ nói và không còn câm nữa; người sẽ là một dấu hiệu cho chúng, và chúng sẽ biết rằng Ta là Đức Giê-hô-va. Ê-xê-chi-ên 24:1, 15-27.

Alpha của cuộc vây hãm là cái chết của điều mà Ê-xê-chi-ên khao khát, và omega là cái chết của điều mà Y-sơ-ra-ên khao khát.

Nghe, nhưng Không Nghe

Có năm lần các trưởng lão hoặc dân sự được mô tả theo một cách nào đó là đang lắng nghe Ê-xê-chi-ên. Trong Ê-xê-chi-ên 8:1, các trưởng lão của Giu-đa ngồi trước mặt ông. Trong Ê-xê-chi-ên 14:1, các trưởng lão đến và ngồi trước mặt ông. Trong Ê-xê-chi-ên 20:1, các trưởng lão của Y-sơ-ra-ên đến để cầu hỏi Đức Giê-hô-va. Trong Ê-xê-chi-ên 37:18, Đức Chúa Trời phán cùng Ê-xê-chi-ên: “Khi con cái của dân người sẽ nói với người rằng: Người há chẳng tỏ cho chúng ta biết những điều này có ý nghĩa gì sao?” Trong chương hai mươi bốn, dân sự trực tiếp hỏi: “Người há chẳng nói cho chúng ta biết những việc này có ý nghĩa gì đối với chúng ta, là những kẻ mà người làm như vậy sao?” Trong cả năm trường hợp, các trưởng lão hoặc dân sự đều ở trong

tình trạng Lao-đi-xê.

Ngài phán rằng: Hãy đi, và nói với dân này rằng: Các ngươi cứ nghe, nhưng không hiểu; cứ nhìn, nhưng không nhận biết. Hãy làm cho lòng dân này ra chai lì, làm cho tai chúng nặng nề, và bịt mắt chúng lại; e rằng chúng thấy bằng mắt mình, nghe bằng tai mình, hiểu bằng lòng mình, rồi trở lại và được chữa lành. Ê-sai 6:9, 10.

Năm hình ảnh tượng trưng về dân sự nghe mà không nghe, và năm hình ảnh tượng trưng về dân sự thấy mà không thấy, tương ứng với năm bước của những kẻ từ chối nhìn thấy và lắng nghe trong lời chứng của Ê-sai.

Nhưng lời của Đức Giê-hô-va đối với họ là điều răn chồng trên điều răn, điều răn chồng trên điều răn; hàng này tiếp hàng kia, hàng này tiếp hàng kia; đây một ít, đó một ít; để họ đi, rồi ngã ngựa ra sau, bị tan vỡ, bị mắc bẫy, và bị bắt lấy. Ê-sai 28:13.

Và nhiều người trong vòng họ sẽ vấp ngã, và sa xuống, và bị tan vỡ, và bị mắc bẫy, và bị bắt lấy. Ê-sai 8:15.

Những Dấu Hiệu

Trong chương hai mươi bốn của Ê-xê-chi-ên, giai đoạn bắt đầu từ cuộc vây hãm và cái chết của vợ Ê-xê-chi-ên—niềm ao ước của mắt ông—kết thúc nơi cái chết của Giê-ru-sa-lem—niềm ao ước của mắt Y-sơ-ra-ên. Cuộc vây hãm kéo dài một năm rưỡi mang dấu ấn của Alpha và Omega, và giai đoạn ấy bắt đầu và kết thúc bằng một dấu hiệu. Như trong Ê-xê-chi-ên hai mươi bốn, Chúa Giê-su xác định dấu hiệu của cuộc vây hãm trong Ma-thi-ơ hai mươi bốn.

“Những lời của Đấng Christ đã được phán ra trước tai đồng đạo dân chúng; nhưng khi Ngài ở riêng, Phi-e-rơ, Giăng, Gia-cơ và Anh-rê đến cùng Ngài, lúc Ngài đang ngồi trên Núi Ô-li-ve. Họ thưa rằng: ‘Xin thầy cho chúng tôi biết, những điều ấy sẽ xảy ra khi nào? và sẽ có dấu hiệu gì về sự Ngài đến, và về tận thế?’ Đức Chúa Jê-sus đã không trả lời các môn đồ Ngài bằng cách tách riêng sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem và ngày lớn của sự Ngài đến. Ngài đã hòa lẫn sự mô tả về hai biến cố ấy. Nếu Ngài mở ra cho các môn đồ những biến cố tương lai đúng như Ngài thấy, thì họ đã không thể chịu nổi cảnh tượng ấy. Bởi lòng thương xót đối với họ, Ngài đã kết hợp sự mô tả về hai cơn khủng hoảng lớn, để lại cho các môn đồ tự mình suy xét ý nghĩa. Khi Ngài nhắc đến sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem, những lời tiên tri của Ngài vươn xa vượt quá biến cố ấy đến cuộc đại hỏa hoạn cuối cùng trong ngày mà Đức Giê-hô-va sẽ từ nơi Ngài ngự đứng lên để phạt thế gian vì tội ác chúng nó, khi đất sẽ phơi bày huyết nó ra và không còn che giấu những kẻ bị giết của mình nữa. Toàn bộ bài giảng này đã được ban ra, không chỉ cho riêng các môn đồ, mà còn cho những người sẽ sống trong những cảnh cuối cùng của lịch sử thế gian này.”

Quay sang các môn đồ, Đấng Christ phán: “Hãy coi chừng, kẻo có ai lừa dối các ngươi. Vì sẽ có nhiều người mạo danh Ta mà đến, xưng rằng: Ta là Đấng Christ; và chúng sẽ lừa dối nhiều người.” Nhiều đấng Mê-si giả sẽ xuất hiện, tự xưng là làm phép lạ, và tuyên bố rằng thời kỳ giải cứu dân tộc Do Thái đã đến. Những kẻ ấy sẽ dẫn dắt nhiều người vào sự lầm lạc. Những lời của Đấng Christ đã được ứng nghiệm. Giữa sự chết của Ngài và cuộc vây hãm Giê-ru-sa-lem, đã xuất hiện nhiều đấng Mê-si giả. Nhưng lời cảnh báo này cũng được ban cho

những người đang sống trong thời đại này của thế gian. Cũng chính những sự lừa dối đã được thực hiện trước khi Giê-ru-sa-lem bị hủy diệt, đã được thực hiện qua các thời đại, và sẽ lại được thực hiện nữa.

“‘Các người sẽ nghe nói về chiến tranh và những tin đồn về chiến tranh: hãy coi chừng, đừng bối rối: vì mọi sự ấy phải xảy đến, nhưng cuối cùng vẫn chưa đến.’ Trước khi Giê-ru-sa-lem bị hủy diệt, loài người đã tranh giành quyền tối thượng. Các hoàng đế bị ám sát. Những kẻ được cho là đứng kế ngai vàng đã bị giết. Có chiến tranh và những tin đồn về chiến tranh. Đấng Christ phán: ‘Mọi sự ấy phải xảy đến, nhưng cuối cùng [của dân tộc Do Thái với tư cách là một dân tộc] vẫn chưa đến. Vì dân này sẽ đẩy lên nghịch cùng dân kia, và nước nọ nghịch cùng nước kia: sẽ có đói kém, dịch lệ, và động đất ở nhiều nơi. Tất cả những điều ấy chỉ là khởi đầu của cơn đau đớn.’ Đấng Christ phán: Khi các ra-bi thấy những dấu hiệu này, họ sẽ tuyên bố đó là sự đoán phạt của Đức Chúa Trời giáng trên các dân tộc vì đã giam giữ dân được chọn của Ngài trong vòng nô lệ. Họ sẽ tuyên bố rằng những dấu hiệu này là dấu hiệu về sự quang lâm của Đấng Mê-si. Đừng bị lừa dối; đó là khởi đầu các sự đoán phạt của Ngài. Dân sự đã chỉ nhìn vào chính mình. Họ đã không ăn năn và hoán cải để Ta có thể chữa lành họ. Những dấu hiệu mà họ coi là dấu hiệu của sự giải phóng họ khỏi vòng nô lệ lại là những dấu hiệu của sự hủy diệt họ.” Nguyễn Ước Thời Đại, 628.

Cuộc vây hãm Giê-ru-sa-lem vào năm 66 bao hàm dấu hiệu rằng Rô-ma đặt các quân kỳ của mình trong khuôn viên thánh. Lời bình giải của Chúa Giê-su về các biến cố trong giai đoạn từ năm 66 đến năm 70 đã đặt sự hủy diệt của năm 70 song hành với sự Tái Lâm của Ngài; và có một dấu hiệu gắn liền với sự Tái Lâm của Ngài.

“Chẳng bao lâu, mắt chúng tôi được hướng về phương Đông, vì một đám mây đen nhỏ đã hiện ra, lớn chừng bằng nửa bàn tay người; và tất cả chúng tôi đều biết đó là Dấu Hiệu của Con Người.” The Day Star, 1846.

Khởi đầu và kết thúc của lịch sử từ năm 66 đến 70 SCN đều chứa đựng một dấu hiệu gắn liền với sự khởi đầu của cuộc vây hãm và sự hủy diệt của thành, phù hợp với dấu hiệu alpha và omega về cái chết của điều mất ưa thích vào năm 587 TCN và 586 TCN.

Lịch sử của cuộc vây hãm kéo dài một năm rưỡi là một “dấu hiệu” cho những ngày sau rốt. Các trình nữ đại được tiêu biểu trong lịch sử của Ê-xê-chi-ên có sự đối ứng trong lịch sử của các trình nữ khôn, là những người đã thấy dấu hiệu của cuộc vây hãm vào năm 66 và chạy trốn đến nơi an toàn. Cuộc vây hãm kéo dài một năm rưỡi là dấu hiệu bày tỏ hai hạng người thờ phượng. Một hạng sẽ hiểu dấu hiệu ấy; hạng kia, được Ê-sai biểu thị là “nhiều người,” sẽ không thấy cũng không nghe.

Nhiều Người và Ít Người

Bấy giờ vua phán cùng các đầy tớ rằng: Hãy trói chân tay nó lại, đem đi, và quăng vào nơi tối tăm ở bên ngoài; tại đó sẽ có khóc lóc và nghiền răng. Vì nhiều kẻ được gọi, nhưng ít người được chọn. Ma-thi-ơ 22:13, 14.

Vậy, những kẻ ở sau sẽ nên trước, và những kẻ ở trước sẽ nên sau; vì có nhiều kẻ được gọi, nhưng ít kẻ được chọn. Ma-thi-ơ 20:16.

Thấy và Nghe

Trong sách Ê-xê-chi-ên có năm ẩn dụ được diễn tả bằng hành động, và cũng có năm lần Ê-xê-chi-ên phán với các nhà lãnh đạo và dân sự. Hai nhân chứng ấy xác định năm trình nữ đại là những kẻ từ chối “thấy” và từ chối “nghe.” Họ từ chối nhìn thấy hoặc lắng nghe tri thức được gia tăng khi Đức Chúa Jêsus, Đấng với tư cách là Sur tử của chi phái Giu-đa, mở các ẩn của Lời tiên tri Ngài.

Thế gian sẽ Thấy và Nghe

Hỡi mọi cư dân của thế gian, và những kẻ ở trên đất, hãy nhìn xem khi Ngài dựng cờ hiệu trên các núi; và khi Ngài thổi kèn, hãy lắng nghe. Ê-sai 18:3.

Và trong ngày đó, người điếc sẽ nghe những lời của sách, và mắt người mù sẽ thấy ra khỏi sự mờ tối, và ra khỏi bóng tối. Ê-sai 29:18.

Dân Ta ngu dại và mê muội, không có sự hiểu biết

Tôi sẽ còn thấy cờ hiệu cho đến bao lâu, và còn nghe tiếng kèn cho đến chừng nào? Vì dân Ta là ngu dại, họ chẳng biết Ta; họ là những con cái mê muội, không có sự thông sáng nào cả: họ khôn ngoan để làm điều ác, nhưng để làm điều lành thì chẳng có tri thức. Giê-rê-mi 4:21, 22.

Hãy công bố điều này trong nhà Gia-cóp, và rao truyền nó trong Giu-đa, rằng: Hãy nghe điều này, hỡi dân ngu dại và không có sự hiểu biết; là kẻ có mắt mà không thấy, có tai mà không nghe. Giê-rê-mi 5:20, 21.

Một Nhà Phản Nghịch

Lại có lời Đức Giê-hô-va phán cùng tôi rằng: Hỡi con người, người ở giữa một nhà phản nghịch, là kẻ có mắt để thấy mà không thấy, có tai để nghe mà không nghe; vì ấy là một nhà phản nghịch. Ê-xê-chi-ên 12:1, 2.

Vì vậy, Ta phán với họ bằng ẩn dụ, bởi họ nhìn mà không thấy, nghe mà không nghe, cũng không hiểu. Và nơi họ được ứng nghiệm lời tiên tri của Ê-sai, rằng: Các người có nghe thì sẽ nghe, mà chẳng hiểu; có nhìn thì sẽ nhìn, mà chẳng nhận biết. Vì lòng dân này đã trở nên chai lì, tai họ nghe nặng nề, và mắt họ đã nhắm lại; e rằng có lúc nào đó họ lấy mắt mà thấy, lấy tai mà nghe, lấy lòng mà hiểu, rồi trở lại, và Ta chữa lành cho họ.

Phước cho mắt các người, vì thấy được; và tai các người, vì nghe được. Vì thật, Ta phán cùng các người rằng, nhiều đấng tiên tri và người công chính đã ao ước được thấy những điều các người thấy mà chưa thấy; và được nghe những điều các người nghe mà chưa nghe. Ma-thi-ơ 13:13–17.

Các Lối Xưa

Đức Giê-hô-va phán như vậy: Hãy đứng trên các nẻo đường mà xem xét, hãy hỏi về các lối xưa, đâu là đường lành, rồi hãy đi trong đó, thì các ngươi sẽ tìm được sự yên nghỉ cho linh hồn mình. Nhưng họ nói rằng: Chúng tôi sẽ không đi trong đó. Ta cũng đã lập những kẻ canh giữ trên các ngươi, phán rằng: Hãy lắng nghe tiếng kèn. Nhưng họ nói rằng: Chúng tôi sẽ không lắng nghe. Giê-rê-mi 6:16, 17.

Sứ Điệp 1840–1844

“Mọi sứ điệp đã được ban ra từ năm 1840–1844 phải được trình bày một cách đầy quyền năng trong thời điểm hiện nay, vì có nhiều người đã đánh mất phương hướng. Các sứ điệp ấy phải được truyền đạt đến mọi hội thánh.

“Đấng Christ phán: ‘Phước cho mắt các ngươi, vì thấy được; và tai các ngươi, vì nghe được. Vì quả thật, Ta phán cùng các ngươi, rằng nhiều đáng tiên tri và người công bình đã ao ước thấy những điều các ngươi thấy mà không được thấy; và nghe những điều các ngươi nghe mà không được nghe’ [Ma-thi-ơ 13:16, 17]. Phước cho những mắt đã thấy những điều đã được thấy trong các năm 1843 và 1844.”

“Sứ điệp ấy đã được ban ra. Và không được có sự chậm trễ nào trong việc lặp lại sứ điệp ấy, vì các dấu hiệu của thời đại đang được ứng nghiệm; công việc kết thúc phải được hoàn tất. Một công việc lớn lao sẽ được thực hiện trong một thời gian ngắn. Chẳng bao lâu nữa, theo sự chỉ định của Đức Chúa Trời, một sứ điệp sẽ được ban ra và sẽ dâng lên thành một tiếng kêu lớn. Khi ấy Đa-ni-ên sẽ đứng trong phần mình, để làm chứng của mình.” Manuscript Releases, quyển 21, 437.

Dấu Hiệu của Cuộc Vây Hãm

Trong sách Ê-xê-chi-ên có năm lần ông “diễn hành” một ẩn dụ mà dân sự không chịu thấy, và cũng có năm lần ông “phán” với chính dân ấy, là những kẻ không chịu nghe. Hai chứng nhân của ẩn dụ được diễn hành và của lời phán đã được trình bày trước năm nghìn nữ đại. Một trong các ẩn dụ được diễn hành, chép trong chương bốn, tượng trưng cho “dấu hiệu” của cuộc vây hãm, là lời cảnh cáo về sự hủy diệt sắp đến. Sứ điệp của Ê-xê-chi-ên là sứ điệp gửi cho Lao-đi-xê.

“Dấu hiệu” được ban cho Laodicea là ‘dấu hiệu về cuộc vây hãm’, và cuộc vây hãm của những ngày sau rốt được tiêu biểu bởi nhiều nhân chứng. Dấu hiệu duy nhất được ban cho người Do Thái trong thời của Đấng Christ là dấu hiệu của Giô-na, người tiêu biểu cho một ẩn dụ bằng hành động về ba ngày trong bụng cá lớn.

Bấy giờ, có mấy người trong hàng kinh sư và người Pha-ri-si thưa với Ngài rằng: Thưa Thầy, chúng tôi muốn thấy một dấu lạ từ Thầy. Nhưng Ngài đáp rằng: Một thế hệ gian ác và ngoại tình tìm kiếm dấu lạ; song sẽ chẳng ban cho nó dấu lạ nào, ngoài dấu lạ của tiên tri Giô-na. Vì như Giô-na đã ở trong bụng cá lớn ba ngày ba đêm, thì Con Người cũng sẽ ở trong lòng đất ba ngày ba đêm. Ma-thi-ơ 12:38–40.

Dấu Hiệu của Giô-na

Dấu lạ của Giô-na là một ẩn dụ được diễn ra bằng hành động về sự phục sinh từ cõi chết. Giăng tượng trưng cho cùng một lẽ thật ấy, vì ông đã bị quăng vào một vạc dầu đang sôi và bước ra vẫn sống. Đa-ni-ên trong hang sư tử và ba người trung kiên trong lò lửa của Nê-bu-cát-nét-sa tượng trưng cho sự phục sinh từ cõi chết. Tất cả đều tượng trưng cho một trăm bốn mươi bốn ngàn người được phục sinh trong Khải-huyền chương mười một.

“Những tư tưởng của Đấng Cứu Thế giờ đây quay trở lại sau khi chiêm ngắm quá khứ và tương lai. Trong khi dân chúng đang cố giải thích những điều họ đã thấy và nghe theo những ẩn tượng đã in vào tâm trí họ, và theo ánh sáng họ đang có, thì ‘Đức Chúa Jêsus phán rằng: Tiếng ấy chẳng vì ta mà đến, nhưng vì các ngươi vậy.’ Đây là bằng chứng tối hậu về chức vị Mê-si của Ngài, là dấu hiệu từ Đức Cha rằng Đức Chúa Jêsus đã phán lẽ thật và là Con Đức Chúa Trời. Phải chăng người Do Thái sẽ quay lưng khỏi lời chứng này từ trời cao? Có lần họ đã hỏi Đấng Cứu Thế: Ngài lấy dấu lạ gì mà tỏ cho chúng tôi thấy để chúng tôi thấy và tin? Vô số dấu lạ đã được ban cho trong suốt chức vụ của Đấng Christ; thế nhưng họ đã nhắm mắt và làm lòng mình chai cứng, kéo họ bị thuyết phục. Phép lạ tối hậu là sự sống lại của La-xa-rơ cũng không cất bỏ sự vô tín của họ, nhưng còn làm cho lòng ác ý của họ gia tăng; và giờ đây, khi Đức Cha đã phán, và họ không thể đòi hỏi thêm một dấu lạ nào nữa, lòng họ vẫn không mềm lại và họ vẫn từ chối tin.” Spirit of Prophecy, quyển 3, 79.

La-xa-rơ là dấu hiệu của sự phục sinh, như đã được Giô-na thể hiện qua hành động khi ở trong bụng cá lớn. Tiếng phán của Đức Chúa Cha liên hệ với La-xa-rơ đã sống lại tiêu biểu cho sự kết hợp giữa thần tính và nhân tính, vốn dĩ chính là bản tính của Đấng Christ, Đấng đã mặc lấy xác thịt loài người. Sự kết hợp giữa thần tính với nhân tính là cờ hiệu của một trăm bốn mươi bốn ngàn người, và La-xa-rơ là dấu hiệu của quyền năng phục sinh, là quyền năng hoàn tất sự hiệp nhất giữa Đấng Tạo Hóa với thọ tạo.

“Qua việc khiến La-xa-rơ sống lại, nhiều người đã được dẫn dắt đến chỗ tin nơi Đức Chúa Jêsus. Ấy là theo chương trình của Đức Chúa Trời rằng La-xa-rơ phải chết và được đặt trong mồ trước khi Đấng Cứu Thế đến nơi. Việc khiến La-xa-rơ sống lại là phép lạ cao cả nhất của Đấng Christ, và bởi đó nhiều người đã tôn vinh Đức Chúa Trời.” Manuscript Releases, volume 21, 111.

La-xa-rơ dẫn đầu cuộc khải hoàn tiến vào Giê-ru-sa-lem, và ông là “dấu hiệu” sống động của sự phục sinh được minh họa qua Giô-na.

“Lazarus, người mà thân thể đã thấy sự hư nát trong mồ mả, nhưng nay vui mừng trong sức lực của thời trai tráng vinh hiển, đã dắt con vật mà Đấng Cứu Thế cưỡi.” The Desire of Ages, 572.

Sự vào thành khải hoàn tương ứng với kỳ nhóm trại tại Exeter, vốn là sự ứng nghiệm alpha của dụ ngôn mười người nữ đồng trinh, và vì thế gắn kết “dấu lạ” của Giô-na và La-xa-rơ với sự ứng nghiệm omega và trọn vẹn của việc công bố sứ điệp: “Kìa, Chàng Rể đến!”

“Tôi thường được dẫn đến dụ ngôn về mười trinh nữ, trong đó năm người khôn ngoan và năm người dại dột. Dụ ngôn này đã được ứng nghiệm và sẽ được ứng nghiệm đúng từng chi tiết, vì nó có sự ứng dụng đặc biệt cho thời kỳ này, và cũng như sứ điệp của thiên sứ thứ ba, nó đã được ứng nghiệm và sẽ tiếp tục là lẽ thật hiện tại cho đến lúc cuối cùng của thời gian.” Review

and Herald, August 19, 1890.

Giô-na, La-xa-rơ và Samuel Snow đến trễ tại buổi nhóm trại ở Exeter phù hợp với “dấu chỉ về cuộc vây hãm” của Ê-xê-chi-ên. La-xa-rơ đã dẫn Đấng Christ vào Giê-ru-sa-lem trên một con lừa.

“Bates là một trong những nhà lãnh đạo quan trọng tại hội trại nhóm họp ở Exeter (New Hampshire) vào tháng Tám năm 1844, khi ‘tiếng kêu nửa đêm chân thật’ lần đầu tiên được trình bày. Tình cờ thay, Bates là người được chọn làm diễn giả cho buổi nhóm sáng hôm ấy tại hội trại. Ông đang khuyên giục những người nghe mình phải trung tín và bình tĩnh trấn an họ rằng Đức Chúa Trời chỉ đang thử nghiệm họ, rằng họ đang ở trong thời kỳ chần chờ, cùng những ý tương tự như vậy, thì Samuel S. Snow cuời ngựa tiến vào hội trại. Ngồi xuống bên cạnh chị mình là bà John Couch, Snow nhắc lại niềm xác tín của ông rằng Đấng Christ sẽ xuất hiện vào thời điểm đã được chỉ định. Hết sức xúc động, bà Couch làm cả cử tọa sững sờ khi đứng dậy và tuyên bố: ‘Đây là một người mang sứ điệp đến từ Đức Chúa Trời!’” Leroy Froom, *The Prophetic Faith of our Fathers*, quyển 4, 549.

Vào tháng Tư năm 1521, Martin Luther đã đi bằng một cỗ xe ngựa đến Nghị hội Worms, tại đó ông bác bỏ các truyền thống và tập tục của giáo hoàng và tuyên bố: “Trừ phi tôi được thuyết phục bởi chứng cứ của Kinh Thánh hoặc bởi lý lẽ minh nhiên... tôi không thể và sẽ không rút lại bất cứ điều gì, vì đi ngược lại lương tâm thì chẳng những không an toàn mà cũng không đúng. Đây là lập trường của tôi. Tôi không thể làm khác được. Xin Đức Chúa Trời giúp tôi. A-men.”

Cũng như người Pha-ri-si chống đối cuộc khai hoàn nhập thành của Đấng Christ, các giới chức giáo hoàng đã chống đối việc Luther tiến vào. Sau đó Luther đổi tên mình (một biểu tượng của sự đóng ấn) và được cất giấu trong khi ông dịch Tân Ước sang tiếng Đức. Sự trình diện của ông tại Hội nghị Worms tiêu biểu cho Tiếng Kêu Nửa Đêm, là điều dẫn đến sắc lệnh tử hình từ các nhà cầm quyền liên minh giáo hội—nhà nước đương thời, bởi đó làm hình bóng cho luật ngày Chủ nhật. Sau mười tháng ẩn náu dưới tên “Junker Jörg”, mối đe dọa từ các giới chức đã thay đổi, phần lớn là sang hai vấn đề quân sự mà Charles V bại hoại phải đối diện. Hai mối đe dọa quân sự ấy là Pháp và Hồi giáo, tượng trưng cho cùng một liên minh ô uế giữa chủ nghĩa xã hội và Hồi giáo, là thế lực ngày nay đang đối đầu với nhân loại.

“Công việc của Đức Chúa Trời trên đất, từ thời đại này sang thời đại khác, biểu hiện một sự tương đồng nổi bật trong mọi cuộc cải chánh lớn hay phong trào tôn giáo. Các nguyên tắc trong sự Đức Chúa Trời đối xử với loài người luôn luôn như nhau. Những phong trào quan trọng của hiện tại có những đối ứng song song với các phong trào trong quá khứ, và kinh nghiệm của hội thánh trong các thời đại trước có những bài học hết sức quý giá cho thời đại của chính chúng ta.” *The Great Controversy*, 343.

Một con lừa do La-xa-rơ dắt đã đưa Đấng Christ vào Giê-ru-sa-lem; một cỗ xe ngựa đã đưa Luther đến Quốc hội Worms; và một con ngựa đã đưa Snow đến buổi nhóm trại tại Exeter; như vậy, con lừa và con ngựa, đều là những thành viên của họ “Equidae” thuộc chi “Equus”, được xác định là dấu hiệu của sứ điệp Tiếng Kêu Nửa Đêm.

Hỡi con gái Si-ôn, hãy hết sức vui mừng; hỡi con gái Giê-ru-sa-lem, hãy cất tiếng reo hò: kìa, Vua người đến cùng người; Ngài là công chính, và đem theo sự cứu rỗi; khiêm nhu, và cười

trên lừa, tức trên lừa con, là con của lừa cái. Xa-cha-ri 9:9.

Dấu hiệu của sứ điệp Tiếng Kêu Nửa Đêm là sự đến của con lừa hoặc con ngựa, cả hai đều là những biểu tượng của Hồi giáo. Sứ giả được chọn của sứ điệp chân thật về tiếng kêu nửa đêm đã đến trên lưng ngựa, phù hợp với việc Đấng Christ đến trên lưng lừa. “Cuộc vây hãm” trong những ngày sau rốt được đánh dấu bởi sự ứng nghiệm lời xác định của Ellen White rằng thành phố Nashville sẽ bị đánh bởi “những quả cầu lửa.”

Tại sao cuộc vây hãm lại bắt đầu từ những quả cầu lửa của Nashville? Có phải vì Hồi giáo được tượng trưng bởi con lừa và con ngựa trong Lời tiên tri của Đức Chúa Trời không?

Smyrna

Hoàng đế Nero đánh dấu sự khởi đầu của hội thánh Smyrna khi thành Rô-ma bị thiêu hủy vào năm 64. Mốc thời gian ấy đánh dấu sự khởi đầu của cuộc bách hại hội thánh Cơ Đốc, được thực hiện trong suốt một giai đoạn hai trăm năm mươi năm, kết thúc tại Sắc lệnh Milan vào năm 313. Sự hình thành của hình tượng con thú tiêu biểu cho waymark alpha, là dấu mốc mở đầu cho một thời kỳ kết thúc với waymark omega, được tượng trưng bởi dấu của con thú tại luật Chủ nhật sắp đến. Thời kỳ ấy được xác định là bắt đầu bằng những “sắc lệnh”.

“Nếu độc giả muốn hiểu những thế lực sẽ được sử dụng trong cuộc tranh đấu sắp xảy đến, thì người ấy chỉ cần lần theo kỹ thuật về những phương tiện mà La Mã đã dùng cho cùng một mục đích trong các thời đại đã qua. Nếu muốn biết những người Công giáo và Tin Lành khi hiệp nhất với nhau sẽ đối xử thế nào với những ai khước từ các giáo điều của họ, thì hãy xem tình thần mà La Mã đã biểu lộ đối với ngày Sa-bát và những người bảo vệ ngày ấy.

“Các sắc lệnh hoàng gia, các công đồng phổ quát, và những quy định của hội thánh được quyền lực thế tục hậu thuẫn, chính là những bước mà nhờ đó lễ hội ngoại giáo đã đạt đến địa vị tôn vinh trong thế giới Cơ Đốc giáo. Biện pháp công khai đầu tiên cưỡng bách việc tuân giữ ngày Chủ nhật là đạo luật do Constantine ban hành. (A.D. 321; xem ghi chú Phụ lục cho trang 53.) Sắc lệnh này buộc dân cư thành thị phải nghỉ ngơi vào ‘ngày đáng tôn kính của mặt trời,’ nhưng cho phép dân cư thôn quê tiếp tục các công việc nông nghiệp của mình. Mặc dù thực chất là một đạo luật ngoại giáo, nó đã được hoàng đế thi hành sau khi ông trên danh nghĩa chấp nhận Cơ Đốc giáo.” Thiện Ác Đấu Tranh, 574.

Sắc lệnh hoàng gia đầu tiên đánh dấu sự chuyển tiếp từ hội thánh Smyrna sang hội thánh Pergamos là Sắc lệnh Milan năm 313. Nó tượng trưng cho bước đầu tiên dẫn đến luật ngày Chúa nhật đầu tiên vào năm 321. Sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem là hình bóng của luật ngày Chúa nhật, và hai nhân chứng tiên tri xác định một cuộc vây hãm đã diễn ra trước sự hủy diệt ấy. Hai cuộc vây hãm đó, được tiêu biểu bởi cuộc vây hãm thứ ba của Ba-by-lôn vào năm 587 TCN và cuộc vây hãm thứ hai của La Mã vào năm 70, cho thấy rằng mốc chỉ đường đi trước mốc chỉ đường của luật ngày Chúa nhật chính là một cuộc vây hãm có tính chất tiên tri.

Nê-bu-cát-nét-sa đã vây hãm Giê-hô-gia-kim, rồi đến Giê-hô-gia-chin, và sau cùng là Xê-đê-kia. Cestius đã vây hãm vào năm 66, và làm tròn dấu hiệu mà Đức Chúa Jêsus đã ban cho hội thánh, cũng như cuộc vây hãm thứ ba vào năm 587 TCN đã mang dấu hiệu về cái chết của vợ

Ê-xê-chi-ên. Dấu mốc đi trước sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem là một cuộc vây hãm, và đó cũng là một “dấu hiệu.” Dấu mốc đi trước luật ngày Chủ nhật năm 321 là Chiếu chỉ Milan, nơi diễn ra sự chuyển tiếp từ một hội thánh (Smyrna) không có sự quở trách sang Pergamos, biểu tượng của một hội thánh đã thỏa hiệp.

Vì vậy, Sắc lệnh Milan là khởi điểm của một cuộc vây hãm mang tính tiên tri, đồng thời cũng là một dấu hiệu. Nó cũng đánh dấu điểm mà phong trào Lao-đi-xê của một trăm bốn mươi bốn nghìn chuyển sang phong trào Phi-la-đen-phi của một trăm bốn mươi bốn nghìn.

Phi-la-đen-phi và Smirna tượng trưng cho hai Hội Thánh duy nhất trong bảy Hội Thánh của sách Khải Huyền không bị quở trách. Sự kiện này, đến lượt nó, xác định sự chuyển tiếp ấy là sự chuyển tiếp từ Hội Thánh chiến đấu sang Hội Thánh đắc thắng. Sự chuyển tiếp ấy phù hợp với Chiếu chỉ Milan, nơi phong trào cuối cùng của một trăm bốn mươi bốn ngàn trở thành Hội Thánh thứ tám ấy, tức là Hội Thánh thuộc về bảy Hội Thánh. Phi-la-đen-phi và Smirna cũng là hai Hội Thánh duy nhất phải tranh chiến với những kẻ tự xưng là người Do Thái, nhưng thực ra thuộc về hội đường của Sa-tan.

Cột mốc ấy của năm 313 cũng tương ứng với buổi nhóm trại tại Exeter từ ngày 12 đến 17 tháng Tám năm 1844. Khi buổi nhóm trại kết thúc, sứ điệp ấy lan khắp dọc duyên hải phía đông của Hoa Kỳ như một làn sóng triều cho đến khi cánh cửa đóng lại vào ngày 22 tháng Mười năm 1844.

“Như một cơn sóng triều, phong trào ấy quét khắp đất nước. Từ thành thị đến thành thị, từ làng mạc đến làng mạc, và đến cả những nơi thôn dã xa xôi, phong trào ấy lan đến, cho đến khi dân sự Đức Chúa Trời đang chờ đợi được đánh thức trọn vẹn. Chủ nghĩa cuồng tín tan biến trước lời rao truyền này như sương giá ban mai trước mặt trời đang lên. Các tín hữu thấy sự nghi ngờ và bối rối của mình được cất bỏ, còn niềm hy vọng và lòng can đảm thì làm sinh động lòng họ. Công việc ấy không có những thái cực thường bộc lộ khi có sự kích động của con người mà không có ảnh hưởng kiểm soát của lời và Thánh Linh Đức Chúa Trời. Về tính chất, nó tương tự như những thời kỳ hạ mình và trở lại cùng Chúa, là điều đã theo sau những sứ điệp quở trách của các tông đồ Ngài giữa Y-sơ-ra-ên thời xưa. Nó mang những đặc điểm đánh dấu công việc của Đức Chúa Trời trong mọi thời đại. Có rất ít niềm vui xuất thần, nhưng thay vào đó là sự tra xét lòng sâu xa, sự xưng tội, và sự từ bỏ thể gian. Sự chuẩn bị để gặp Chúa là gánh nặng của những tâm linh quặn thắt. Có sự cầu nguyện bền đỗ và sự dâng mình cho Đức Chúa Trời cách trọn vẹn, không dè giữ.” The Great Controversy, 400, 401.

Cánh cửa đóng lại vào ngày 22 tháng 10 năm 1844 là hình bóng tiêu biểu cho luật ngày Chủ nhật sắp đến, và cột mốc báo trước cánh cửa đóng lại của ngày 22 tháng 10 chính là buổi nhóm trại tại Exeter. Vì vậy, buổi nhóm trại tại Exeter tương ứng với Sắc lệnh Milan. Nó cũng tương ứng với việc Đấng Christ khai hoàn tiến vào.

“Tiếng kêu lúc nửa đêm không chủ yếu được truyền đi bằng luận chứng, mặc dù bằng chứng Kinh Thánh thì rõ ràng và dứt khoát. Đi kèm với nó là một quyền năng thúc giục làm chuyển động linh hồn. Không có sự nghi ngờ, không có sự chần vãn. Nhân dịp Đấng Christ khai hoàn tiến vào Giê-ru-sa-lem, dân chúng từ khắp mọi miền trong xứ nhóm lại để giữ kỳ lễ, đã đổ về Núi Ô-li-ve; và khi họ nhập vào đoàn người đang hộ tống Đức Chúa Jê-sus, họ tiếp nhận cảm

hứng của giờ phút ấy và góp phần làm vang dội tiếng tung hô: ‘Phước cho Đấng nhân danh Chúa mà đến!’ [Ma-thi-ơ 21:9.] Cũng theo cách đó, những kẻ vô tín kéo đến các buổi nhóm của những người Cơ Đốc Phục Lâm—một số vì tò mò, một số chỉ để chế nhạo—đã cảm nhận quyền năng thuyết phục đi kèm theo sứ điệp: ‘Kìa, Chàng Rể đến!’” Spirit of Prophecy, volume 4, 250.

Sắc lệnh Milan đánh dấu cuộc vây hãm mang tính tiên tri, được tiêu biểu bởi Nebuchadnezzar vào năm 587 TCN và Cestius vào năm 66. Hai cuộc vây hãm ấy đã dẫn đến sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem lần lượt vào năm 586 TCN và năm 70. Cuộc vây hãm của Cestius chấm dứt, và ba năm rưỡi sau, cuộc vây hãm được tiếp tục dưới quyền Titus, nhờ đó cung cấp một giai đoạn tiên tri bắt đầu với một nhà cai trị La Mã alpha và kết thúc với một nhà cai trị omega. Ba năm rưỡi ấy tượng trưng cho sự giày đạp Giê-ru-sa-lem bởi giáo hoàng quyền, và luật ngày Chúa nhật sắp đến, khi vết thương chí tử của giáo hoàng quyền được chữa lành và nó lại cai trị trong ba năm rưỡi tượng trưng.

Nhưng sân ở ngoài đền thờ thì hãy để ra ngoài, đừng đo nó; vì sân ấy đã được giao cho dân Ngoại; và họ sẽ giày đạp thành thánh trong bốn mươi hai tháng. Khải Huyền 11:2.

Vào năm 538, rồi một lần nữa vào lúc luật ngày Chủ nhật được ban hành, sự giày đạp Giê-ru-sa-lem bắt đầu. Hai luật ngày Chủ nhật ấy đã được tiêu biểu bởi năm 321, khi Constantine Đại đế ban hành luật ngày Chủ nhật đầu tiên. Vào năm 538, giáo hoàng quyền đã được trao quyền để bức hại (giày đạp) hội thánh của Đức Chúa Trời trong ba năm rưỡi, như được tiêu biểu bởi lịch sử từ Cestius đến Titus. Vào năm 538, giáo hoàng quyền đã ban hành một luật ngày Chủ nhật tại Công đồng Orléans thứ ba. Luật ngày Chủ nhật sắp đến xác định thời điểm giáo hoàng quyền một lần nữa được trao quyền để giày đạp đền thờ (bức hại).

Năm 313 xác định sắc lệnh đầu tiên đã dẫn đến luật Chủ nhật đầu tiên vào năm 321. Rồi đến năm 330, đế quốc được phân chia theo lời tiên tri thành phương Đông và phương Tây, nhờ đó đánh dấu sự kết thúc omega của thời kỳ thứ hai trong cuộc bách hại của giáo hoàng kéo dài “bốn mươi hai” tháng biểu tượng—một thời kỳ bách hại và chà đạp đã bắt đầu tại luật Chủ nhật alpha ở Hoa Kỳ.

Và vị thiên sứ thứ ba theo sau họ, cất tiếng lớn mà rằng: Nếu ai thờ lạy con thú và hình tượng nó, và nhận dấu của nó trên trán mình hoặc trên tay mình, thì chính kẻ ấy sẽ uống rượu thịnh nộ của Đức Chúa Trời, thứ đã được rót nguyên chất vào chén phần nộ của Ngài; và kẻ ấy sẽ bị hành hạ bằng lửa và diêm sinh trước mặt các thiên sứ thánh và trước mặt Chiên Con. Và khói của sự đau đớn họ cứ bốc lên đời đời vô cùng; những kẻ thờ lạy con thú và hình tượng nó, cùng bất cứ ai nhận dấu của tên nó, thì không có sự yên nghỉ ngày hay đêm. Đây là sự nhین nhục của các thánh đồ: ấy là những người giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin của Đức Chúa Jêsus. Khải Huyền 14:9–12.

Đồng Bằng

Ý nghĩa theo tiếng Latinh của “Milan” là ở giữa đồng bằng. Ở giữa đông và tây, vào năm 313, Constantinus của phương tây đã tìm kiếm một liên minh với Licinius của phương đông. Sắc lệnh ấy tiêu biểu cho nỗ lực đem phương đông và phương tây lại với nhau, và sắc lệnh ấy đã được chuẩn nhận bằng một cuộc hôn nhân hiệp ước, khi Constantia, em gái cùng cha khác mẹ của

Constantinus, kết hôn với Licinius. Tuy nhiên, cũng như cuộc hôn nhân hiệp ước đầu tiên trong Đa-ni-ên chương mười một giữa nhà Seleucid ở phương bắc và Ptolemy ở phương nam, cuộc hôn nhân ấy đã được định sẵn là sẽ thất bại, khi châm ngôn xưa được ứng nghiệm rằng: “đông là đông, và tây là tây, và hai bên ấy sẽ chẳng bao giờ gặp nhau.”

Năm “330” được nêu ra trực tiếp trong Đa-ni-ên chương mười một các câu hai mươi bốn, hai mươi bảy, và hai mươi chín. Điều này đưa mười bảy năm từ 313 đến 330 vào trong dòng tiên tri của Đa-ni-ên chương mười một, và theo sự tất yếu của lời tiên tri, nó xác định cuộc hôn nhân hiệp ước giữa Đông và Tây vào năm 313 ấy là một sự song hành với cuộc hôn nhân hiệp ước thứ nhất trong chính chương đó.

“Lời tiên tri trong Đa-ni-ên đoạn mười một hầu như đã đạt đến sự ứng nghiệm trọn vẹn của nó. Phần lớn lịch sử đã diễn ra trong sự ứng nghiệm lời tiên tri này sẽ được lặp lại.” Manuscript Releases, số 13, tr. 394.

Antiochus II Theos, người trị vì từ năm 261–246 TCN, đã gạt bỏ người vợ đầu là Laodice I để cưới Berenice, con gái của Ptolemy II Philadelphus xứ Ai Cập. Cuộc hôn nhân ấy là một phần của thỏa ước hòa bình chấm dứt Chiến tranh Syria lần thứ hai vào năm 252 TCN. Khi về sau Constantine đánh bại Licinius vào năm 324, cuộc hôn nhân ấy chấm dứt, cũng như cuộc hôn nhân của Antiochus và Bernice đã chấm dứt khi Laodice, người vợ thứ nhất, đầu độc Antiochus vào năm 246 TCN. Cuộc hôn nhân đã đánh dấu sự kết thúc của Chiến tranh Syria lần thứ hai, và việc sát hại Antiochus, rồi sau đó là Bernice, con của bà, cùng đoàn tùy tùng Ai Cập của bà, đã đánh dấu sự khởi đầu của Chiến tranh Syria lần thứ ba. Cuộc hôn nhân theo hiệp ước năm 313 đã chấm dứt thời kỳ bắt bó được tiêu biểu bởi hội thánh Smyrna và mở đầu thời kỳ thỏa hiệp được tiêu biểu bởi hội thánh Pergamos.

Cuộc hôn nhân vào lúc khởi đầu lịch sử Seleucid là hình bóng của cuộc hôn nhân liên minh vào cuối đế quốc Seleucid, khi Antiochus Đại Đế gả con gái mình là Cleopatra I cho Ptolemy V Epiphanes. Cuộc hôn nhân ấy diễn ra tại Raphia vào năm 193 TCN, nhưng liên minh chẳng bao lâu đã chấm dứt, cũng như cuộc hôn nhân liên minh đầu tiên giữa vua phương bắc và vua phương nam. Các cuộc hôn nhân liên minh alpha và omega của đế quốc Seleucid là hình bóng của cuộc hôn nhân liên minh được ghi nhận về sau trong lịch sử tiên tri của Đa-ni-ên 11, khi Octavian gả em gái mình là Octavia Minor cho Mark Antony vào năm 40 TCN. Mark Antony và Octavian đang ở trong một cuộc tranh giành quyền lực về các khu vực phía đông và phía tây của La Mã, vốn đã bùng nổ vào năm 44 TCN với vụ ám sát Julius Caesar. Hiệp ước Brundisium được thiết lập tại cuộc hôn nhân ấy vào năm 40 TCN, và tám năm sau, vào năm 32 TCN, Mark Antony chính thức ly dị Octavia và làm bùng phát trận Actium vào năm 31 TCN, tại đó cả Mark Antony lẫn Cleopatra, (Cleopatra cuối cùng), đều đi đến hồi kết.

Hiệp ước hôn nhân omega của đế quốc Seleucid đã đưa vào Cleopatra thứ nhất, là hình bóng của Cleopatra cuối cùng, mà dòng dõi của bà đã tạo nên mối liên kết với hiệp ước hôn nhân alpha mang tính tiên tri của đế quốc La Mã vào năm 40 TCN. Ba cuộc hôn nhân theo hiệp ước ấy là hình bóng của cuộc hôn nhân theo hiệp ước của Sắc lệnh Milan. Sắc lệnh Milan đánh dấu sự khởi đầu của một cuộc vây hãm mang tính tiên tri; nó tiêu biểu cho một dấu hiệu tiên tri; nó đánh dấu sự chuyển

tiếp từ một hội thánh công chính sang một hội thánh bất chính, vì thế phù hợp với huyền nhiệm về sinh vật thứ tám thuộc về bảy. Nó đánh dấu một cuộc hôn nhân theo hiệp ước chấm dứt chiến tranh, cho đến khi sự ly dị của cuộc hôn nhân theo hiệp ước ấy xảy ra, nhờ đó đánh dấu sự khởi đầu của một cuộc chiến tranh. Trong hai cuộc hôn nhân của La Mã, sự ly dị làm phát sinh việc hiệp nhất đế quốc. Năm 313 cũng đánh dấu buổi nhóm trại Exeter, tại đó sự công bố sứ điệp của tiếng kêu lúc nửa đêm bắt đầu và dẫn đến cánh cửa đóng lại của ngày 22 tháng Mười.

Chúng ta sẽ tiếp tục xem xét những lẽ thật này trong bài viết kế tiếp.